

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Hoàng Vũ;
- Bà Nguyễn Thị Tám.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965; cư trú tại: tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Bị đơn: bà Phan Thị D, sinh năm 1964; cư trú tại: tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà Phan Thị D chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh năm 2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, bà D tự quyết định mọi vấn đề trong gia đình, không bàn bạc với ông nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Vợ chồng ông đã sống ly thân với nhau do ông chuyển ra ngoài sống. Nay ông không thể

tiếp tục chung sống với bà **D**, nên yêu cầu ly hôn với bà **D**.

Về con chung: ông và bà **D** có 04 người con chung tên **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981; **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1984; **Nguyễn Thị C1**, sinh năm 1987 và **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1990. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà **Phan Thị D** trình bày:*

Về hôn nhân: bà thống nhất với lời trình bày của ông **S** về thời gian vợ chồng chung sống, thời gian và nơi đăng ký kết hôn là đúng. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do con gái bà bị bắt giam vì phạm tội, ông **S** không đồng ý cho bà nuôi cháu ngoại nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau thường xuyên kéo dài. Hiện ông **S** đã chuyển ra ngoài sống ly thân với bà. Nay ông **S** yêu cầu ly hôn với bà, bà đồng ý, tuy nhiên do bà theo **Đ** Thiên Chúa nên bà không ký biên bản thuận tình ly hôn với ông **S**.

Về con chung: bà thống nhất bà và ông **S** có 04 con chung như ông **S** trình bày. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: trong thời gian chung sống ông **S**, bà **D** thường xuyên cự cãi do mâu thuẫn gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông **Nguyễn Văn S** và bà **Phan Thị D** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **Nguyễn Văn S** đối với bà **Phan Thị D**, ông **S** được ly hôn với bà **D**.

+ Về nuôi con chung: ông S, bà D có 04 con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; Nguyễn Thị C, sinh năm 1984; Nguyễn Thị C1, sinh năm 1987 và Nguyễn Văn D1, sinh năm 1990 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông S, bà D vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S, bà D.

[2] Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị D tự nguyện chung sống vợ chồng năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2000 ngày 09/10/2000. Căn cứ quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn S thấy rằng: ông S trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà D là do bất đồng quan điểm sống, bà D tự quyết định mọi việc trong gia đình không bàn bạc với ông nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà D trình bày giữa bà và ông S có mâu thuẫn do ông S không đồng ý việc bà nuôi cháu ngoại, bà đồng ý ly hôn với ông S. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện quá trình chung sống ông S, bà D thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà D mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông S đối với bà D.

[3] Về nuôi con chung: ông S và bà D có 04 người con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; Nguyễn Thị C, sinh năm 1984; Nguyễn Thị C1, sinh năm 1987 và Nguyễn Văn D1, sinh năm 1990. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên ghi nhận.

[5] Về án phí: ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- 1. Về hôn nhân:** cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị D.
- 2. Về nuôi con chung:** ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị D có 04 người con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; Nguyễn Thị C, sinh năm 1984; Nguyễn Thị C1, sinh năm 1987 và Nguyễn Văn D1, sinh năm 1990, đều đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên không đặt ra giải quyết.
- 3. Về tài sản chung và nợ chung:** ghi nhận ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- 4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004319 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; ông S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
- 5. Quyền kháng cáo:** các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.
- 6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Tân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Nguyên

